

Chứng Nhận Khấu Lưu Thuế của Nhân Viên
Hoàn thành Mẫu W-4 để chủ lao động của bạn có thể khấu lưu thuế thu nhập liên
bang đúng từ tiền lương của bạn.
Đưa Mẫu W-4 cho chủ lao động của bạn.
Khoản khấu lưu của bạn có thể được IRS xét lại.

Bước 1: Nhập Thông Tin Cá Nhân	(a) Tên và chữ viết tắt tên đệm	Họ	(b) Số an sinh xã hội
	Địa chỉ		Tên của bạn có khớp với tên trên thẻ an sinh xã hội của bạn không? Nếu không, để bảo đảm bạn được công nhận cho thu nhập kiểm được của mình, liên lạc SSA tại 800-772-1213 hoặc truy cập www.ssa.gov .
	Thành phố hoặc thị trấn, tiểu bang và mã ZIP		
	(c) ☐ Độc thân hoặc Vợ chồng khai thuế riêng ☐ Vợ chồng khai thuế chung hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện ☐ Chủ gia đình (Chỉ đánh dấu nếu bạn chưa kết hôn và phải trả hơn một nửa chi phí để duy trì ngôi nhà cho chính mình và một người đủ điều kiện.)		
Lưu ý: Để yêu cầu một số tín thuế hoặc khấu trừ trên tờ khai thuế, bạn (và/hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung) cần phải có một số an sinh xã hội hợp lệ để làm việc. Xem trang 2 để biết thêm thông tin.			

MẸO: Cân nhắc sử dụng công cụ ước tính tại www.irs.gov/W4app để xác định mức khấu lưu chính xác nhất cho phần còn lại của năm nếu: bạn hoàn thành mẫu này sau đầu năm; dự kiến chỉ làm việc một phần trong năm; hoặc có những thay đổi trong năm về tình trạng hôn nhân, số lượng công việc cho bạn (và/hoặc vợ/chồng của bạn nếu là vợ chồng khai thuế chung), người phụ thuộc, thu nhập khác (không phải từ công việc), các khoản khấu trừ hoặc tín thuế. Có sẵn còi lương gần đây nhất của bạn cho năm nay khi sử dụng công cụ ước tính. Vào đầu năm tới, sử dụng công cụ ước tính một lần nữa để kiểm tra lại khoản khấu lưu của bạn.

CHỈ hoàn thành các Bước 2-4 nếu áp dụng đối với bạn; nếu không, nhảy sang Bước 5. Xem trang 2 để biết thêm thông tin cho từng bước, ai có thể yêu cầu miễn khấu lưu thuế, và khi nào dùng công cụ ước tính tại www.irs.gov/W4app.

Bước 2: Nhiều Công Việc hoặc Người Vợ/Chồng Đi Làm	Hoàn thành bước này nếu bạn (1) làm nhiều hơn một công việc cùng lúc, hoặc (2) là vợ chồng khai thuế chung và người vợ/chồng của bạn cũng đi làm. Khoản khấu lưu đúng phụ thuộc vào thu nhập kiểm được từ tất cả các công việc này. Thực hiện chỉ một trong những điều sau.		
	(a) Sử dụng công cụ ước tính tại www.irs.gov/W4App để được khấu lưu chính xác nhất cho bước này (và các Bước 3-4). Nếu bạn hoặc vợ/chồng của bạn có thu nhập tự kinh doanh, hãy sử dụng tùy chọn này; hoặc		
	(b) Sử dụng Bảng Tính cho Nhiều Công Việc ở trang 3 và nhập kết quả vào Bước 4(c) bên dưới; hoặc		
	(c) Nếu chỉ có tổng cộng hai công việc, bạn có thể đánh dấu vào ô này. Thực hiện tương tự trên Mẫu W-4 cho công việc còn lại. Tùy chọn này thông thường chính xác hơn Bước 2(b) nếu tiền của mức lương thấp hơn nhiều hơn một nửa của tiền của mức lương cao hơn. Nếu không thì Bước 2(b) là chính xác hơn ☐		

Hoàn thành các Bước 3-4(b) trên Mẫu W-4 cho duy nhất MỘT công việc trong số này. Để trống các bước đó cho các công việc khác. (Khoản khấu lưu của bạn sẽ chính xác nhất nếu bạn hoàn thành các Bước 3-4(b) trên Mẫu W-4 cho công việc có mức lương cao nhất.)

Bước 3: Kê Khai Người Phụ Thuộc và Các Tín Thuế Khác	Nếu tổng thu nhập của bạn là \$200.000 hoặc ít hơn (\$400.000 hoặc ít hơn nếu là vợ chồng khai thuế chung):			
	(a) Nhân số trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi với \$2.200	3(a)	\$	
	(b) Nhân số người phụ thuộc khác với \$500	3(b)	\$	
	Cộng các số tiền từ Bước 3(a) và 3(b), cộng số tiền của các tín thuế khác. Nhập tổng số ở đây		3	
Bước 4: Các Điều Chỉnh Khác	(a) Thu nhập khác (không phải từ công việc). Nếu bạn muốn khấu lưu thuế đối với thu nhập khác mà bạn dự kiến năm nay mà không có khấu lưu, nhập các khoản thu nhập khác vào đây. Các khoản này có thể bao gồm tiền lãi, cổ tức và thu nhập hưu trí		4(a)	\$
	(b) Khấu trừ. Sử dụng Bảng Tính Khấu Trừ ở trang 4 để xác định số tiền khấu trừ mà bạn có thể yêu cầu, điều này sẽ làm giảm khấu lưu. (Nếu bạn nhảy qua bước này, khấu lưu của bạn sẽ dựa trên mức khấu trừ tiêu chuẩn.) Nhập kết quả vào đây . . .		4(b)	\$
	(c) Khấu lưu bổ sung. Nhập bất kỳ khoản thuế bổ sung nào bạn muốn khấu lưu mỗi kỳ trả lương		4(c)	\$

Miễn khấu lưu Tôi yêu cầu được miễn khấu lưu cho năm 2026, và tôi xác nhận rằng tôi đáp ứng **cả hai** điều kiện để được miễn khấu lưu cho năm 2026. Xem phần *Miễn khấu lưu* ở trang 2. Tôi hiểu rằng tôi sẽ cần nộp Mẫu W-4 mới cho năm 2027 . . . ☐

Bước 5:
Ký Tên Ở Đây Theo hình phạt của tội khai man, tôi tuyên bố rằng giấy chứng nhận này, theo hiểu biết và sự tin tưởng tốt nhất của tôi, là thật, đúng, và đầy đủ.

Dành cho Chủ Lao Động	Chữ ký của nhân viên (Mẫu đơn này không hợp lệ trừ khi bạn ký tên.)		Ngày
	Tên và địa chỉ của chủ lao động	Ngày đầu tiên làm việc	Mã số thuế của chủ lao động (EIN)

Hướng Dẫn Tổng Quát

Các tham chiếu về đoạn được trích dẫn từ Bộ Luật Thuế vụ trừ khi có ghi chú khác.

Những Phát Triển Trong Tương Lai

Để biết thông tin mới nhất về những thay đổi liên quan đến Mẫu W-4, chẳng hạn như luật được ban hành sau khi mẫu được xuất bản, truy cập www.irs.gov/FormW4Vie.

Mục Đích của Mẫu

Hoàn thành Mẫu W-4 để chủ lao động của bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập liên bang đúng từ tiền lương của bạn. Nếu khoản khấu trừ là quá ít, bạn thường sẽ nợ thuế khi nộp tờ khai thuế và có thể nợ một khoản tiền phạt. Nếu khoản khấu trừ là quá nhiều, bạn thường sẽ được hoàn tiền. Hoàn thành Mẫu W-4 mới nếu những thay đổi về tình trạng cá nhân hoặc tài chính của bạn có thể thay đổi thông tin trong các mục trên mẫu đơn. Để biết thêm thông tin về việc khấu trừ và khi nào bạn phải cung cấp Mẫu W-4 mới, xem Ấn phẩm 505, Khấu trừ thuế và Thuế ước tính.

Miễn khấu trừ thuế. Bạn có thể yêu cầu miễn khấu trừ cho năm 2026 nếu bạn đáp ứng cả hai điều kiện sau: bạn không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2025 và bạn dự kiến sẽ không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2026. Bạn không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2025 nếu (1) tổng số thuế của bạn ở dòng 24 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR năm 2025 của bạn là không (hoặc nhỏ hơn tổng số của các dòng 27a, 28, 29, và 30), hoặc (2) bạn không bắt buộc phải khai thuế vì thu nhập của bạn thấp hơn ngưỡng phải khai thuế đối với tư cách khai thuế đúng của bạn. Nếu bạn yêu cầu miễn, bạn sẽ không bị khấu trừ thuế thu nhập từ phiếu lương của mình và có thể sẽ nợ thuế cũng như tiền phạt khi bạn nộp tờ khai thuế năm 2026. Để yêu cầu miễn khấu trừ, hãy chứng nhận rằng bạn đáp ứng cả hai điều kiện ở trên bằng cách đánh dấu vào ô trong phần *Miễn khấu trừ*. Sau đó, hoàn thành các Bước 1(a), 1(b), và 5. Không hoàn thành bất kỳ các bước nào khác. Bạn sẽ cần nộp Mẫu W-4 mới trước ngày 16 tháng 2, 2027.

Quyền riêng tư của bạn. Bước 2(c) và 4(a) yêu cầu thông tin về thu nhập bạn nhận được từ các nguồn khác ngoài công việc liên quan đến Mẫu W-4 này. Nếu bạn có lo ngại về cung cấp thông tin cho Bước 2(c), bạn có thể chọn Bước 2(b) để thay thế; nếu bạn có lo ngại về cung cấp thông tin cho Bước 4(a), bạn có thể nhập số tiền bổ sung mà bạn muốn khấu trừ mỗi kỳ lương trong Bước 4(c) để thay thế.

Khi nào nên dùng công cụ ước tính. Cân nhắc sử dụng công cụ ước tính tại www.irs.gov/W4App nếu bạn:

1. Nộp mẫu này sau đầu năm;
2. Chỉ dự tính làm việc một phần của năm;
3. Có những thay đổi trong năm về tình trạng hôn nhân của bạn, số lượng công việc cho bạn (và/hoặc vợ/chồng của bạn nếu là vợ/chồng khai thuế chung) hoặc số người phụ thuộc, hoặc thay đổi về các khoản khấu trừ hoặc tín thuế;
4. Nhận cổ tức, lãi vốn, an sinh xã hội, tiền thưởng, thu nhập kinh doanh, hoặc chịu Thuế Medicare bổ sung hoặc Thuế thu nhập đầu tư ròng; hoặc
5. Ưa chuộng khấu trừ chính xác nhất cho tình huống nhiều công việc.

MẸO: Có sẵn cùi lương gần đây nhất của bạn cho năm nay khi sử dụng công cụ ước tính để tính thuế thu nhập liên bang đã bị khấu trừ trong năm nay. Kiểm tra lại khoản khấu trừ của bạn vào đầu năm tới.

Tự kinh doanh. Thông thường, bạn sẽ nợ cả thuế thu nhập và thuế tự kinh doanh đối với bất kỳ khoản thu nhập nào từ việc tự kinh doanh mà bạn nhận được riêng biệt với tiền lương bạn nhận được với tư cách là một nhân viên. Nếu bạn muốn trả những khoản thuế này thông qua khấu trừ từ tiền lương của mình, sử dụng công cụ ước tính tại www.irs.gov/W4App để tính số tiền để khấu trừ.

Người nước ngoài tạm trú. Nếu bạn là người nước ngoài tạm trú xem Thông báo 1392, Hướng dẫn bổ sung cho Mẫu W-4 cho Người nước ngoài tạm trú, trước khi hoàn thành mẫu đơn này.

Hướng Dẫn Cụ Thể

Bước 1(c). Kiểm tra tư cách khai thuế dự kiến của bạn. Điều này sẽ xác định khoản khấu trừ tiêu chuẩn và thuế suất được sử dụng để tính khoản khấu trừ của bạn.

Bước 2. Sử dụng bước này nếu bạn (1) có nhiều hơn một công việc cùng lúc, hoặc (2) là vợ/chồng khai thuế chung và bạn và người vợ/chồng đều đi làm.

Tùy chọn (a) tính toán chính xác nhất tiền thuế bổ sung mà bạn cần phải khấu trừ, trong khi tùy chọn (b) làm vậy với độ chính xác kém hơn một chút.

Thầy vào đó, nếu bạn (và người vợ/chồng) chỉ có tổng cộng hai công việc, bạn có thể đánh dấu vào ô ở tùy chọn (c). Bạn cũng phải đánh dấu vào ô này trên Mẫu W-4 cho công việc còn lại. Nếu ô được đánh dấu, khoản khấu trừ tiêu chuẩn và khung thuế sẽ được cắt giảm một nửa cho mỗi công việc để tính khấu trừ. Tùy chọn này cho kết quả tính gần như chính xác đối với các công việc có mức lương tương tự; nếu không, khoản thuế bị khấu trừ có thể nhiều hơn mức cần thiết và số tiền phụ trội này sẽ càng lớn khi chênh lệch mức lương giữa hai công việc càng lớn.



Nhiều công việc. Hoàn thành các Bước từ 3 đến 4(b) trên duy nhất một Mẫu W-4. Khoản khấu trừ sẽ được tính chính xác nhất nếu bạn thực hiện trên Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất.

Bước 3. Bước này cung cấp hướng dẫn để xác định tín thuế trẻ em và tín thuế cho những người phụ thuộc khác mà bạn có thể yêu cầu khi bạn nộp tờ khai thuế. Để đủ điều kiện nhận tín thuế trẻ em, trẻ phải dưới 17 tuổi tính đến ngày 31 tháng 12, phải là người phụ thuộc của bạn và thường sống với bạn hơn nửa năm, cũng như phải có số an sinh xã hội theo yêu cầu. Bạn (và/hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung) phải có số an sinh xã hội để yêu cầu một số tín thuế nhất định. Bạn có thể yêu cầu tín thuế cho người phụ thuộc khác nếu không thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho người đó, chẳng hạn như một đứa trẻ lớn tuổi hơn hoặc một người họ hàng đủ điều kiện. Để biết thêm các yêu cầu để hội đủ điều kiện cho các khoản tín thuế này, xem Ấn phẩm 501, Người phụ thuộc, khấu trừ tiêu chuẩn và thông tin khai thuế. Bạn cũng có thể bao gồm các khoản tín thuế khác mà bạn đủ điều kiện trong bước này, chẳng hạn như tín thuế nước ngoài và tín thuế giáo dục. Để thực hiện điều này, cộng số tiền ước tính trong năm vào các khoản tín thuế cho người phụ thuộc của bạn và nhập tổng số tiền vào Bước 3. Bao gồm các khoản tín thuế này sẽ làm tăng khoản tiền lương của bạn và giảm số tiền hoàn thuế bạn có thể nhận được khi nộp tờ khai thuế.

Bước 4.

Bước 4(a). Ở bước này, nhập tổng thu nhập ước tính khác trong năm của bạn, nếu có. Bạn không nên bao gồm thu nhập từ bất kỳ công việc hoặc nghề tự kinh doanh nào. Nếu bạn hoàn thành Bước 4(a), bạn có thể sẽ không phải trả thuế ước tính cho khoản thu nhập đó. Nếu bạn ưa chuộng trả thuế ước tính thay vì bị khấu trừ thuế trên các khoản thu nhập khác từ phiếu lương của mình, xem Mẫu 1040-ES, Thuế ước tính cho Cá nhân.

Bước 4(b). Trong bước này, nhập số tiền từ Bảng Tính Khấu Trừ, dòng 15, nếu bạn dự kiến yêu cầu các khoản khấu trừ khác không phải khoản khấu trừ tiêu chuẩn cơ bản trên tờ khai thuế năm 2026 và muốn giảm khấu trừ để tính cho các khoản khấu trừ này. Điều này bao gồm cả các khoản khấu trừ từng khoản và các khoản khấu trừ khác chẳng hạn như tiền boa đủ điều kiện, tiền làm thêm giờ, và tiền lãi vay mua xe ô tô cá nhân; lãi vay sinh viên; IRA; và người cao niên. Bạn (và/hoặc vợ/chồng của bạn nếu khai thuế chung) phải có số an sinh xã hội để yêu cầu một số khoản khấu trừ nhất định. Để biết thêm các yêu cầu về điều kiện, hãy xem Ấn phẩm 501.

Bước 4(c). Ở bước này, nhập bất kỳ khoản thuế phụ trội nào bạn muốn khấu trừ từ lương của mình **mỗi kỳ trả lương**, bao gồm bất kỳ số tiền nào từ Bảng Tính cho Nhiều Công Việc, dòng 4. Nhập một số tiền vào đây sẽ làm giảm khoản tiền lương của bạn và tăng số tiền hoàn thuế của bạn hoặc giảm bất kỳ số tiền thuế nào bạn nợ khi bạn khai thuế.

Bước 2(b)—Bảng Tính cho Nhiều Công Việc (Lưu giữ cho hồ sơ của bạn.)

Nếu bạn chọn tùy chọn ở Bước 2(b) trên Mẫu W-4, hãy hoàn thành bảng tính này (để tính tổng số thuế phụ trội cho tất cả các công việc) trên **duy nhất MỘT** Mẫu W-4. Khoản khấu lưu sẽ được tính chính xác nhất nếu bạn hoàn thành bảng tính và nhập kết quả vào Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất. Để được chính xác, gửi Mẫu W-4 mới cho tất cả các công việc khác nếu bạn chưa cập nhật khấu lưu của mình từ năm 2019.

Ghi chú: Nếu nhiều hơn một công việc có tiền lương hàng năm nhiều hơn \$120.000 hoặc có nhiều hơn ba công việc, xem Ấn phẩm 505 để xem các bảng bổ sung; hoặc, bạn có thể sử dụng công cụ ước tính trực tuyến tại www.irs.gov/W4App.

- 1 **Hai công việc.** Nếu bạn có hai công việc hoặc là vợ chồng khai thuế chung và bạn và người vợ/chồng mỗi người có một công việc, tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 5. Sử dụng hàng “Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn” và cột “Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn”, tìm giá trị tại giao điểm của mức lương của hai hộ gia đình và nhập giá trị đó vào dòng 1. Sau đó, **nhảy** đến dòng 3 **1** \$ _____
- 2 **Ba công việc.** Nếu bạn và/hoặc người vợ/chồng có ba công việc cùng lúc, hoàn thành các dòng 2a, 2b, và 2c dưới đây. Nếu không, nhảy đến dòng 3.
 - a Tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 5 bằng cách sử dụng tiền lương hàng năm từ công việc được trả lương cao nhất trong hàng “Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn” và tiền lương hàng năm cho công việc được trả lương cao nhất tiếp theo của bạn trong cột “Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn”. Tìm giá trị tại giao điểm của mức lương của hai hộ gia đình và nhập giá trị đó vào dòng 2a **2a** \$ _____
 - b Cộng tiền lương hàng năm của hai công việc được trả lương cao nhất từ dòng 2a với nhau và sử dụng tổng số tiền đó làm mức tiền lương trong hàng “Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn” và sử dụng tiền lương hàng năm cho công việc thứ ba của bạn trong cột “Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn” để tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 5 và nhập số tiền này vào dòng 2b **2b** \$ _____
 - c Cộng số tiền ở dòng 2a và 2b và nhập kết quả vào dòng 2c **2c** \$ _____
- 3 Nhập số kỳ trả lương mỗi năm cho công việc được trả lương cao nhất. Ví dụ, nếu công việc đó trả lương hàng tuần, nhập 52; nếu trả lương cách tuần, nhập 26; nếu trả lương hàng tháng, nhập 12, v.v. **3** _____
- 4 Chia số tiền hàng năm ở dòng 1 hoặc dòng 2c cho số kỳ trả lương ở dòng 3. Nhập số tiền này vào đây và ở **Bước 4(c)** của Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất (cộng bất kỳ khoản thu nhập bổ sung nào khác mà bạn muốn khấu lưu) **4** \$ _____

Thông báo về Đạo luật Quyền riêng tư và Đạo luật Giảm giấy tờ.

Chúng tôi yêu cầu thông tin trên mẫu đơn này để thi hành luật Thuế vụ của Hoa Kỳ. Đoạn 3402(f)(2) và 6109 của Bộ Luật Thuế vụ và các quy định này yêu cầu bạn cung cấp thông tin này; chủ lao động của bạn sử dụng chúng để xác định khoản khấu lưu thuế thu nhập liên bang của bạn. Việc không cung cấp mẫu đơn được hoàn thành hợp lệ sẽ dẫn đến việc bạn được coi là người độc thân và không có mục nhập nào trong mẫu đơn; cung cấp thông tin gian lận có thể khiến bạn chịu hình phạt. Thủ tục sử dụng thông tin này bao gồm cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp cho các vụ kiện tụng dân sự và hình sự; cho các thành phố, tiểu bang, Đặc khu Columbia, các khối thịnh vượng và lãnh thổ của Hoa Kỳ để sử dụng trong hoạt động quản lý luật thuế vụ của họ; và gửi cho Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh để sử dụng trong Danh bạ Quốc Gia về Nhân viên mới. Chúng tôi cũng có thể tiết lộ thông tin này cho các quốc gia khác theo hiệp ước thuế, cho các cơ quan liên bang và tiểu bang để thực thi luật hình sự không liên quan đến thuế liên bang hoặc cho các cơ quan thực thi pháp luật và tình báo liên bang để chống khủng bố.

Bạn không bắt buộc phải cung cấp thông tin được yêu cầu trên một mẫu đơn tuân theo Đạo luật Giảm giấy tờ trừ khi mẫu đơn đó hiển thị số kiểm soát hợp lệ của OMB. Sổ sách hoặc hồ sơ liên quan đến mẫu đơn hoặc hướng dẫn của mẫu đơn phải được lưu giữ nếu nội dung của các giấy tờ này vẫn có thể là quan trọng trong việc thi hành bất kỳ luật Thuế vụ nào. Thông thường, các tờ khai thuế và thông tin của tờ khai được bảo mật, theo yêu cầu của đoạn 6103 của Bộ Luật.

Thời gian và chi phí trung bình cần thiết để hoàn thành và nộp mẫu đơn này sẽ khác nhau tùy theo tình huống cá nhân. Để biết mức ước tính trung bình, xem hướng dẫn cho tờ khai thuế thu nhập của bạn.

Nếu bạn có gợi ý để đơn giản hóa mẫu đơn này, chúng tôi chân thành lắng nghe từ bạn. Xem hướng dẫn cho tờ khai thuế thu nhập của bạn.

Bước 4(b)—Bảng Tính Khấu Trừ (Giữ cho hồ sơ của bạn.)

Xem Hướng dẫn cho Bảng 1-A (Mẫu 1040) để biết thêm thông tin về việc bạn có đủ điều kiện cho các khoản khấu trừ trên dòng 1a, 1b, 1c, 3a và 3b hay không.

1	Khấu trừ cho tiền boa đủ điều kiện, tiền làm thêm giờ, và tiền lãi vay mua xe ô tô cá nhân.	
a	Tiền boa đủ điều kiện. Nếu tổng thu nhập của bạn ít hơn \$150.000 (\$300.000 nếu vợ chồng khai thuế chung), nhập ước tính tiền boa đủ điều kiện của bạn lên đến \$25.000	1a \$ _____
b	Tiền làm thêm giờ đủ điều kiện. Nếu tổng thu nhập của bạn ít hơn \$150.000 (\$300.000 nếu vợ chồng khai thuế chung), nhập ước tính tiền làm thêm giờ đủ điều kiện của bạn lên tới \$12.500 (\$25.000 nếu vợ chồng khai thuế chung) của phần "and-a-half" ("và một nửa") thù lao được một rưỡi	1b \$ _____
c	Tiền lãi vay mua xe ô tô cá nhân đủ điều kiện. Nếu tổng thu nhập của bạn ít hơn \$100.000 (\$200.000 nếu vợ chồng khai thuế chung), nhập ước tính tiền lãi vay mua xe ô tô cá nhân đủ điều kiện của bạn lên đến \$10.000	1c \$ _____
2	Cộng dòng 1a, 1b và 1c. Nhập kết quả vào đây	2 \$ _____
3	Người cao niên từ 65 tuổi trở lên. Nếu tổng thu nhập của bạn ít hơn \$75.000 (\$150.000 nếu vợ chồng khai thuế chung):	
a	Nhập \$6.000 nếu bạn 65 tuổi trở lên trước khi kết thúc năm	3a \$ _____
b	Nhập \$6.000 nếu vợ/chồng của bạn 65 tuổi trở lên trước khi kết thúc năm và có số an sinh xã hội hợp lệ để làm việc	3b \$ _____
4	Cộng dòng 3a và 3b. Nhập kết quả vào đây	4 \$ _____
5	Nhập ước tính tiền lãi cho khoản vay sinh viên của bạn, các khoản đóng góp IRA được khấu trừ, chi phí nhà giáo, tiền cấp dưỡng và một số điều chỉnh khác từ Bảng 1 (Mẫu 1040), Phần II. Xem Ấn phẩm 505 để biết thêm thông tin	5 \$ _____
6	Khấu trừ từng khoản. Nhập ước tính khoản khấu trừ từng khoản cho năm 2026 từ Bảng A (Mẫu 1040). Các khoản khấu trừ đủ điều kiện này có thể bao gồm:	
a	Chi phí y tế và nha khoa. Nhập chi phí vượt quá 7,5% (0,075) tổng thu nhập của bạn	6a \$ _____
b	Thuế tiểu bang và địa phương. Nếu tổng thu nhập của bạn dưới \$505.000 (\$252.500 nếu vợ chồng khai thuế riêng), nhập thuế tiểu bang và địa phương đã trả lên đến \$40.400 (\$20.200 nếu vợ chồng khai thuế riêng)	6b \$ _____
c	Lãi vay thế chấp nhà. Nếu nợ mua nhà của bạn là ít hơn \$750.000 (\$375.000 nếu vợ chồng khai thuế riêng), nhập chi phí lãi vay thế chấp nhà của bạn (bao gồm cả bảo hiểm lãi vay thế chấp)	6c \$ _____
d	Quà tặng từ thiện. Nhập các khoản đóng góp vượt quá 0,5% (0,005) tổng thu nhập của bạn	6d \$ _____
e	Các khoản khấu trừ từng khoản khác. Nhập số tiền cho các khoản khấu trừ từng khoản khác	6e \$ _____
7	Cộng dòng 6a, 6b, 6c, 6d và 6e. Nhập kết quả vào đây	7 \$ _____
8	Hạn mức của khấu trừ từng khoản.	
a	Nhập tổng thu nhập của bạn	8a \$ _____
b	Trừ dòng 4 khỏi dòng 8a. Nếu dòng 4 lớn hơn dòng 8a, nhập -0- tại đây và trên dòng 10. Nhảy qua dòng 9	8b \$ _____
9	Nhập: $\left\{ \begin{array}{l} \bullet \$768.700 \text{ nếu bạn là vợ chồng khai thuế chung hoặc là người} \\ \text{vợ/chồng còn lại đủ điều kiện} \\ \bullet \$640.600 \text{ nếu bạn độc thân hoặc là chủ gia đình} \\ \bullet \$384.350 \text{ nếu bạn là vợ chồng khai thuế riêng} \end{array} \right\}$	9 \$ _____
10	Nếu dòng 9 lớn hơn dòng 8b, hãy nhập số tiền từ dòng 7. Nếu không, nhân dòng 7 với 94% (0.94) và nhập kết quả ở đây	10 \$ _____
11	Khấu trừ tiêu chuẩn.	
	Nhập: $\left\{ \begin{array}{l} \bullet \$32.200 \text{ nếu bạn là vợ chồng khai thuế chung hoặc là người} \\ \text{vợ/chồng còn lại đủ điều kiện} \\ \bullet \$24.150 \text{ nếu bạn là chủ gia đình} \\ \bullet \$16.100 \text{ nếu bạn độc thân hoặc là vợ chồng khai thuế riêng} \end{array} \right\}$	11 \$ _____
12	Quà tặng từ thiện bằng tiền mặt. Nếu bạn dùng khấu trừ tiêu chuẩn, nhập khoản đóng góp tiền mặt lên đến \$1.000 (\$2.000 nếu là vợ chồng khai thuế chung)	12 \$ _____
13	Cộng dòng 11 và 12. Nhập kết quả vào đây	13 \$ _____
14	Nếu dòng 10 lớn hơn dòng 13, trừ dòng 11 khỏi dòng 10 rồi nhập kết quả vào đây. Nếu dòng 13 lớn hơn dòng 10, nhập số tiền từ dòng 12	14 \$ _____
15	Cộng dòng 2, 4, 5 và 14. Nhập kết quả ở đây và ở Bước 4(b) của Mẫu W-4	15 \$ _____

Vợ Chồng Khai Thuế Chung hoặc Người Vợ/Chồng Còn Lại Đủ Điều Kiện

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$0	\$0	\$480	\$850	\$850	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020
\$10.000 - 19.999	0	480	1.480	1.850	2.050	2.220	2.220	2.220	2.220	2.220	2.220	2.620
\$20.000 - 29.999	480	1.480	2.480	3.050	3.250	3.420	3.420	3.420	3.420	3.420	3.820	4.820
\$30.000 - 39.999	850	1.850	3.050	3.620	3.820	3.990	3.990	3.990	3.990	4.390	5.390	6.390
\$40.000 - 49.999	850	2.050	3.250	3.820	4.020	4.190	4.190	4.190	4.590	5.590	6.590	7.590
\$50.000 - 59.999	1.020	2.220	3.420	3.990	4.190	4.360	4.360	4.760	5.760	6.760	7.760	8.760
\$60.000 - 69.999	1.020	2.220	3.420	3.990	4.190	4.360	4.760	5.760	6.760	7.760	8.760	9.760
\$70.000 - 79.999	1.020	2.220	3.420	3.990	4.190	4.760	5.760	6.760	7.760	8.760	9.760	10.760
\$80.000 - 99.999	1.020	2.220	3.420	4.240	5.440	6.610	7.610	8.610	9.610	10.610	11.610	12.610
\$100.000 - 149.999	1.870	4.070	6.270	7.840	9.040	10.210	11.210	12.210	13.210	14.210	15.360	16.560
\$150.000 - 239.999	1.870	4.100	6.500	8.270	9.670	11.040	12.240	13.440	14.640	15.840	17.040	18.240
\$240.000 - 319.999	2.040	4.440	6.840	8.610	10.010	11.380	12.580	13.780	14.980	16.180	17.380	18.580
\$320.000 - 364.999	2.040	4.440	6.840	8.610	10.010	11.380	12.580	13.860	15.860	17.860	19.860	21.860
\$365.000 - 524.999	2.720	5.920	9.390	12.260	14.760	17.230	19.530	21.830	24.130	26.430	28.730	31.030
\$525.000 trở lên	3.140	6.840	10.540	13.610	16.310	18.980	21.480	23.980	26.480	28.980	31.480	33.990

Độc Thân hoặc Vợ Chồng Khai Thuế Riêng

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$90	\$850	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.070	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.970
\$10.000 - 19.999	850	1.780	1.980	1.980	2.030	3.030	3.830	3.830	3.830	3.830	3.930	4.130
\$20.000 - 29.999	1.020	1.980	2.180	2.230	3.230	4.230	5.030	5.030	5.030	5.130	5.330	5.530
\$30.000 - 39.999	1.020	1.980	2.230	3.230	4.230	5.230	6.030	6.030	6.130	6.330	6.530	6.730
\$40.000 - 59.999	1.020	2.880	4.080	5.080	6.080	7.080	7.950	8.150	8.350	8.550	8.750	8.950
\$60.000 - 79.999	1.870	3.830	5.030	6.030	7.100	8.300	9.300	9.500	9.700	9.900	10.100	10.300
\$80.000 - 99.999	1.870	3.830	5.100	6.300	7.500	8.700	9.700	9.900	10.100	10.300	10.500	10.700
\$100.000 - 124.999	2.030	4.190	5.590	6.790	7.990	9.190	10.190	10.390	10.590	10.940	11.940	12.940
\$125.000 - 149.999	2.040	4.200	5.600	6.800	8.000	9.200	10.200	10.950	11.950	12.950	13.950	14.950
\$150.000 - 174.999	2.040	4.200	5.600	6.800	8.150	10.150	11.950	12.950	13.950	14.950	16.170	17.470
\$175.000 - 199.999	2.040	4.200	6.150	8.150	10.150	12.150	13.950	15.020	16.320	17.620	18.920	20.220
\$200.000 - 249.999	2.720	5.680	7.880	10.140	12.440	14.740	16.840	18.140	19.440	20.740	22.040	23.340
\$250.000 - 449.999	2.970	6.230	8.730	11.030	13.330	15.630	17.730	19.030	20.330	21.630	22.930	24.240
\$450.000 trở lên	3.140	6.600	9.300	11.800	14.300	16.800	19.100	20.600	22.100	23.600	25.100	26.610

Chủ Gia Đình

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$0	\$280	\$850	\$950	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.560	\$1.870	\$1.870	\$1.870
\$10.000 - 19.999	280	1.280	1.950	2.150	2.220	2.220	2.220	2.760	3.760	4.070	4.070	4.210
\$20.000 - 29.999	850	1.950	2.720	2.920	2.980	2.980	3.520	4.520	5.520	5.830	5.980	6.180
\$30.000 - 39.999	950	2.150	2.920	3.120	3.180	3.720	4.720	5.720	6.720	7.180	7.380	7.580
\$40.000 - 59.999	1.020	2.220	2.980	3.570	4.640	5.640	6.640	7.750	8.950	9.460	9.660	9.860
\$60.000 - 79.999	1.020	2.610	4.370	5.570	6.640	7.750	8.950	10.150	11.350	11.860	12.060	12.260
\$80.000 - 99.999	1.870	4.070	5.830	7.150	8.410	9.610	10.810	12.010	13.210	13.720	13.920	14.120
\$100.000 - 124.999	1.870	4.270	6.230	7.630	8.900	10.100	11.300	12.500	13.700	14.210	14.720	15.720
\$125.000 - 149.999	2.040	4.440	6.400	7.800	9.070	10.270	11.470	12.670	14.580	15.890	16.890	17.890
\$150.000 - 174.999	2.040	4.440	6.400	7.800	9.070	10.580	12.580	14.580	16.580	17.890	18.890	20.170
\$175.000 - 199.999	2.040	4.440	6.400	8.510	10.580	12.580	14.580	16.580	18.710	20.320	21.620	22.920
\$200.000 - 249.999	2.720	5.920	8.680	10.900	13.270	15.570	17.870	20.170	22.470	24.080	25.380	26.680
\$250.000 - 449.999	2.970	6.470	9.540	12.040	14.410	16.710	19.010	21.310	23.610	25.220	26.520	27.820
\$450.000 trở lên	3.140	6.840	10.110	12.810	15.380	17.880	20.380	22.880	25.380	27.190	28.690	30.190